

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo 03-7-2019

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể
đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể
đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về *nguyên tắc*, điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi chung là Bộ), gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục thuộc Bộ (sau đây gọi chung là tổng cục thuộc Bộ);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục thuộc Bộ *và tổ chức tương đương cục thuộc Bộ (sau đây gọi chung là cục thuộc Bộ)*;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục thuộc tổng cục thuộc Bộ;

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở);
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

6. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

7. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thực hiện theo quy định của *pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành*.

8. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan thuộc Chính phủ được thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

9. Nghị định này không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập *ở nước ngoài* là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ hoặc thuộc cơ quan thuộc Chính phủ do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật *và đặt trụ sở ở nước ngoài*.

2. Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập là việc sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị sự nghiệp công lập *dưới* các hình thức: chia tách, sáp nhập, hợp nhất; *thay đổi vị trí pháp lý để hình thành đơn vị sự nghiệp công mới; thay đổi tên gọi do điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập*.

Điều 4. Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; *một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại*.

2. Số lượng người làm việc tối thiểu khi thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người (*trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của luật chuyên ngành*).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì số lượng người làm việc tối thiểu thực hiện theo Đề án tự chủ của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài thì số lượng người làm việc do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập thành lập mới (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập trong đơn vị sự nghiệp công lập) phải tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu).

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả thì tổ chức lại hoặc giải thể. Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập không làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 5. Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đáp ứng đủ tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo *quy định của pháp luật chuyên ngành*;

c) Xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

d) Có trụ sở làm việc hoặc đề án quy hoạch cấp đất xây dựng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới); trang thiết bị cần thiết ban đầu; nguồn nhân sự và kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật;

đ) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này, cần bảo đảm phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước hoặc có thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

a) *Có điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn* để phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không đáp ứng được một trong các tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, b Khoản này, còn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

3. Điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập được giải thể trong các trường hợp sau:

a) Không còn chức năng, nhiệm vụ;

b) Không đáp ứng *được* các tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định *của pháp luật*;

c) Ba năm liên tiếp hoạt động không có hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền;

d) Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài: Ngoài việc đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản này, còn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Khung số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên *quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 và Điểm a Khoản 5 Điều 2 Nghị định này có từ 20 người làm việc là công chức, viên chức trở xuống được bố trí không quá 02 cấp phó; có trên 20 người làm việc là công chức, viên chức được bố trí không quá 03 cấp phó;*

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1, Khoản 3 và Điểm b, c Khoản 5 và Khoản 6 Điều 2 Nghị định này được bố trí không quá 02 cấp phó;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: *Số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo Đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

2. Tiêu chí xác định số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập

a) Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Quy mô về số lượng người làm việc và đầu mối tổ chức trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phạm vi hoạt động, tính chất và đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn cụ thể số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và số lượng cấp phó của tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm không vượt quá khung số lượng cấp phó quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Mục 1

THÀNH LẬP

Điều 7. Đề án thành lập

1. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nội dung Đề án, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Mục tiêu, phạm vi *hoạt động và danh mục dịch vụ sự nghiệp công đơn vị dự kiến cung cấp*;

c) *Loại hình và tên gọi của* đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức;

đ) Cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động;

e) Báo cáo giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập;

g) *Dự kiến* về nhân sự (trong đó xác định rõ số lượng cấp phó của đơn vị theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực); vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, *cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết để bảo đảm cho đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động sau khi được thành lập*;

h) Phương án tổ chức thực hiện và lộ trình triển khai hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

i) Kiến nghị *của cơ quan, tổ chức xây dựng đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập* (nếu có);

k) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 8. Tờ trình thành lập

1. Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nội dung tờ trình, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Quá trình xây dựng đề án;

c) Nội dung chính của đề án;

d) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề liên quan.

3. Tờ trình thành lập phải do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập ký, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

4. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đối với các đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

b) Tổng cục thuộc Bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

c) Cục thuộc Bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

d) Cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất với Bộ (cơ quan được Chính phủ phân công quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ) đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

đ) Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp *công lập đề nghị* thành lập các đơn vị quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

e) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này;

g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 2 Nghị định này;

h) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 2 Nghị định này;

i) Tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 2 Nghị định này;

k) Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

l) Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập các đơn vị hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 9. Lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải gửi dự thảo đề án, tờ trình và dự thảo *văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định* thành lập đến các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật để lấy ý kiến *tham gia* bằng văn bản đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập *trước khi gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định*.

2. Đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài *phải lấy thêm* ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Hồ sơ thành lập

1. Hồ sơ *gửi cơ quan, tổ chức* thẩm định:

a) Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập *theo quy định*;

b) Dự thảo tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Dự thảo *văn bản* của cơ quan hoặc người có thẩm quyền *quyết định* thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);

đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Hồ sơ trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập *đơn vị sự nghiệp công lập*:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập *đơn vị sự nghiệp công lập*;

- b) Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;
 - c) Dự thảo *văn bản* của cơ quan hoặc người có thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);
 - d) Văn bản thẩm định của cơ quan, tổ chức có *thẩm quyền*;
 - đ) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức thẩm định;
- e) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan (kèm theo văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan) và các tài liệu khác có liên quan đến thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.*

Điều 11. Trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ thành lập

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gửi 01 (một) bộ hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đến cơ quan, tổ chức thẩm định được quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định này để thẩm định; đối với các cơ quan, tổ chức *liên quan* để phối hợp hoặc để biết thì chỉ ghi tên các cơ quan, tổ chức đó vào mục nơi nhận của *văn bản* hoặc tờ trình đề nghị thành lập.
2. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải lập danh mục hồ sơ theo quy định.
3. Hồ sơ gửi là văn bản chính được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 12. Thẩm định thành lập *đơn vị sự nghiệp công lập*

1. Cơ quan, tổ chức thẩm định
 - a) Bộ Nội vụ thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
 - b) Vụ (Cục) Tổ chức cán bộ thuộc Bộ thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;
 - c) Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
 - d) Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có quy định của pháp luật chuyên ngành về các tiêu chí, điều kiện hoạt động thì cơ quan thẩm định về các tiêu chí, điều kiện hoạt động này do pháp luật chuyên ngành quy định.

2. Nội dung thẩm định, *gồm*:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Mục tiêu, phạm vi, đối tượng, tên gọi, loại hình tổ chức, địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- c) Hồ sơ, thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;
- d) Điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi được thành lập;
- đ) Việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;
- e) Tính khả thi của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;
- g) Dự thảo *văn bản* của cơ quan hoặc người có thẩm quyền *quyết định* thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau thì cơ quan, tổ chức thẩm định yêu cầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập *phải* có văn bản giải trình bổ sung *hoặc theo ủy quyền của người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức họp với cơ quan, tổ chức trình đề án và các cơ quan có liên quan* để làm rõ và báo cáo cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định.

3. Trường hợp quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập là văn bản quy phạm pháp luật thì việc thẩm định còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 13. Quyết định thành lập

1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập căn cứ vào văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định để quyết định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo Đề án tự chủ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khi đáp ứng đủ các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức văn bản thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải phù hợp với thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. *Xử lý hồ sơ và thời* hạn giải quyết việc thành lập

1. Về thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thời hạn thẩm định là 15 (mười lăm) *ngày*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị *thành lập*;

b) Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thời hạn thẩm định là 10 (mười) *ngày*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập.

2. Về quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Trong thời hạn 10 (mười) *ngày*, kể từ ngày *cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của cơ quan, tổ chức thẩm định và trình theo quy định*, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phải ra quyết định thành lập.

Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập không đồng ý việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì có ý kiến bằng văn bản (nêu rõ lý do) gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục 2

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 15. Đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Nội dung đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

b) Thực trạng *tổ chức và* hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi tổ chức lại;

c) Phương án xử lý về *tổ chức bộ máy, nhân sự*, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

d) Các văn bản của cơ quan, *tổ chức* có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có);

đ) *Quy định trách* nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.

2. Nội dung tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại *Điều 8* Nghị định này.

Điều 16. Đề án, tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Nội dung đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc giải thể;
- b) Phương án xử lý *về tổ chức bộ máy*, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;
- c) Các văn bản của cơ quan, *tổ chức* có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác liên quan (nếu có);
- d) *Quy định trách* nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.

2. Nội dung tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại *Điều 8* Nghị định này.

Điều 17. Hồ sơ và *trình tự, thủ tục* giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

- 1. Hồ sơ tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:
 - a) Đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
 - b) Tờ trình tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
 - c) Dự thảo *văn bản* của cơ quan hoặc người có thẩm quyền *quyết định* tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
 - d) Các văn bản của cơ quan, *tổ chức* có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).
- 2. *Việc lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan; trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ; thẩm định*; xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 18. Thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- 1. Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- 2. Thủ tướng Chính phủ:
 - a) Phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; ban hành danh mục dịch vụ công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực;

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ quy định tại Khoản 1 Điều này); đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Điểm a Khoản 5 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 19. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp

1. Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực *theo quy định của pháp luật* và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ban hành tiêu chí cụ thể về phân loại; điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trình **Thủ tướng** Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu **trong từng** ngành, lĩnh vực.

3. Quy định cụ thể tiêu chí thành lập tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; tiêu chí xác định số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng cấp phó của tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm không vượt quá khung số lượng cấp phó quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

4. Hướng dẫn việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.

5. Định kỳ tổng hợp, báo cáo về tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực gửi Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm c, d Khoản 1 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý (hoặc Hội đồng trường đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập) và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 21. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và khung số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực.

3. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, thanh tra việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Tổng hợp, báo cáo về tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi cả nước.

Điều 22. Thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định xử lý tài chính, tài sản khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực.

Điều 23. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

b) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý (hoặc Hội đồng trường đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập) và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Thực hiện phân cấp theo quy định của pháp luật cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định này theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 24. Chế độ cung cấp thông tin, báo cáo về đơn vị sự nghiệp công lập

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo về tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo cơ quan, tổ chức theo quy định.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Định kỳ tổng hợp *gửi* báo cáo *số liệu về đơn vị* sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý về Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp theo quy định.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với đối tượng khác

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước được áp dụng các quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ quan, tổ chức đã gửi đề án, tờ trình đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền *quyết định* thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày Nghị định này có hiệu *lực*, nhưng chưa được cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể *đơn vị sự nghiệp công lập* thì *tiếp tục* thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6

năm 2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp *công lập*.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập trước ngày Nghị định này có *hiệu lực* mà có số lượng cấp phó của đơn vị nhiều hơn số lượng cấp phó quy định tại Điều 6 Nghị định này thì trong thời hạn 12 tháng phải tổ chức sắp xếp số lượng cấp phó của đơn vị theo đúng quy định của Nghị định này.

Trường hợp sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập làm tăng số lượng cấp phó của đơn vị so với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 03 năm, cơ quan trực tiếp quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019, thay thế Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu cơ quan do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

